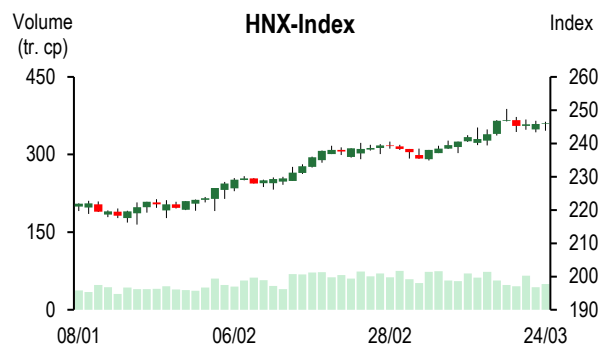
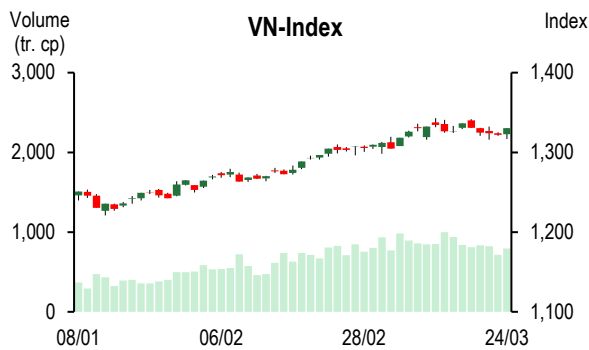


24/03/2025	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,330.32	0.64%	1,390.70	0.90%	246.00	0.07%
<b>Tổng KLGD (tr. cp)</b>	<b>927.00</b>	<b>15.05%</b>	<b>422.10</b>	<b>30.80%</b>	<b>52.78</b>	<b>10.72%</b>
<b>KLGD khớp lệnh (tr. cp)</b>	<b>795.36</b>	<b>11.29%</b>	<b>351.53</b>	<b>24.93%</b>	<b>50.02</b>	<b>15.24%</b>
TB 20 phiên (tr. cp)	841.85	-5.52%	298.00	17.96%	61.52	-18.69%
<b>Tổng GTGD (tỷ VND)</b>	<b>19,597</b>	<b>15.46%</b>	<b>10,995</b>	<b>27.22%</b>	<b>907</b>	<b>25.52%</b>
<b>GTGD khớp lệnh (tỷ VND)</b>	<b>17,169</b>	<b>14.29%</b>	<b>9,368</b>	<b>21.26%</b>	<b>832</b>	<b>24.90%</b>
TB 20 phiên (tỷ VND)	18,586	-7.62%	8,934	4.85%	1,092	-23.80%
<b>Số mã tăng</b>	196	37%	14	47%	71	33%
<b>Số mã giảm</b>	249	47%	13	43%	91	42%
<b>Số mã đứng giá</b>	83	16%	3	10%	56	26%



### ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Áp lực bán chi phối đầu phiên nhưng lực cầu tham gia trở lại vào phiên chiều giúp chỉ số phục hồi và đóng cửa trong sắc xanh. Dù vậy, mức phục hồi chưa đồng bộ khi độ rộng vẫn nghiêng về bên bán. Đà bán mạnh ban đầu xuất phát từ nhóm Bất động sản khi PDR sụt giảm mạnh trước thông tin Ủy ban Chứng khoán vừa quyết định xử phạt bà Nguyễn Thị Phương Thảo và ông Phan Thành Tâm về hành vi dùng 164 tài khoản để thao túng giá cổ phiếu Phát Đạt trong giai đoạn từ tháng 8 đến tháng 12-2022. Dù vậy, giao dịch ở các cổ phiếu trong ngành đã sớm cân bằng và không phản ứng quá tiêu cực. Thanh khoản cải thiện so với phiên trước nhưng vẫn dưới mức trung bình 20 phiên. Chiều tăng nổi bật ghi nhận ở nhóm Chứng khoán, Vận tải hàng không, Ngân hàng, ngược lại, nhóm Dược phẩm, Năng lượng, Khoáng sản, phản ứng kém khả quan. Về mặt điểm số, đóng vai trò động lực là lực kéo từ VIC, VHM, TCB, trong khi BID, LPB, GVR kìm hãm. Khối ngoại bán ròng phiên nay giá trị 720,2 tỷ, tập trung ở TPB, LPB, NVL.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Về mặt kỹ thuật, VN-Index bật lại từ hỗ trợ 1320 điểm và gần như xóa bỏ đà giảm của hai phiên trước là tín hiệu tốt, nhưng chưa đủ vì khớp lệnh thấp, hàm ý lực cầu mua lên chưa thực sự mạnh mẽ. Hơn nữa mức tăng chung được đóng góp phần lớn từ đà tăng của nhóm Vingroup trong khi mặt bằng cổ phiếu chưa có sự đồng thuận đáng kể, nghĩa là dòng tiền vẫn phân hóa và có chọn lọc. Diễn biến ở VN30 cũng biểu thị thanh khoản nhỉnh hơn, phản ánh sự quan tâm của dòng tiền vào nhóm vốn hóa lớn, còn ở nhóm Mid-cap chưa cải thiện nhiều. Đối với HNX-Index, giao dịch vẫn nghiêng về giằng co quanh ngưỡng 245. Nhìn chung, kỳ vọng thị trường sẽ vận động tích lũy thêm quanh vùng 1315 - 1330 điểm khi mức lan tỏa còn kém. VN-Index cần duy trì trên ngưỡng 1325 điểm để xác nhận động lượng thật sự đi lên, trường hợp điều chỉnh trở lại thì khả năng vẫn tiếp tục đi ngang trong các phiên tới. Chiến lược: Hạ một phần tỷ trọng ở các nhịp hồi, phần còn lại tiếp tục nắm giữ.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ: Cát lổ DPM – Mua BVB

(Xem chi tiết ở trang 2)

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT**
**Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DPM	Cắt lỗ	25/03/2025	35.20	36.85	-4.5%	40.0	8.5%	35.5	-3.7%	Chạm stop loss
2	BVB	Mua	25/03/2025	14.48	14.48	0.0%	16.0	10.5%	13.8	-4.7%	Tạo đáy trước thị trường

**Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	QTP	Nắm giữ	26/02/2025	13.90	13.80	0.7%	15	8.7%	13.6	-1.4%	Nâng stop loss 13.6
2	NTP	Nắm giữ	05/03/2025	66.30	64.10	3.4%	72	12.3%	60	-6%	
3	KBC	Mua	12/03/2025	29.20	30.30	-3.6%	34	12.2%	28.5	-6%	
4	SSI	Mua	12/03/2025	27.15	26.7	1.7%	29	8.6%	25.5	-4%	
5	DXG	Mua	20/03/2025	16.55	16.75	-1.2%	18.5	10.4%	15.8	-6%	
6	POW	Mua	24/03/2025	12.75	12.45	2.4%	13.5	8%	12	-4%	

## TIN TỨC TRONG NGÀY

### Tin trong nước

#### **Ngân hàng bơm thêm cho nền kinh tế gần 164.000 tỷ đồng kể từ sau Tết Nguyên đán 2025**

Theo số liệu mới được Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Phạm Thanh Hà chia sẻ, tín dụng toàn hệ thống ngân hàng đến ngày 12/3 tăng 1,24% so với cuối năm 2024 (cùng kỳ tháng 2/2024 giảm 0,74%). Trước đó, số liệu được Ngân hàng Nhà nước công bố cho thấy, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đến cuối năm 2024 đạt 15,62 triệu tỷ đồng và 15,65 triệu tỷ đồng tính đến ngày 3/2 (ngay sau Tết Nguyên đán 2025). Ước tính theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, quy mô tín dụng toàn hệ thống ngân hàng đến ngày 12/3 đạt 15,81 triệu tỷ đồng, tăng gần 194.000 tỷ đồng so với cuối năm 2024 và tăng xấp xỉ 164.000 tỷ đồng kể từ sau Tết Nguyên đán.

Năm 2025, Ngân hàng Nhà nước đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 16%, tương đương quy mô tăng thêm gần 2,5 triệu tỷ đồng và có thể nói thêm nếu điều kiện cho phép. Với mục tiêu trên, Ngân hàng Nhà nước đã có nhiều giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng trường tín dụng ngay từ đầu năm.

#### **Sầu riêng Việt vẫn 'lận đận' xuất khẩu**

Hiệp hội rau quả Việt Nam (VinaFruit) vừa có báo cáo sơ bộ về giá trị xuất nhập khẩu rau quả tháng 3-2025 và gần 3 tháng đầu năm 2025. Theo đó, tính đến ngày 20-3-2025, xuất khẩu rau quả đạt sơ bộ gần 421 triệu USD, tăng hơn 34% so với tháng trước nhưng giảm 10.5% so với cùng kỳ năm 2024. Như vậy đây là tháng thứ 3 liên tiếp, xuất khẩu rau quả giảm.

Theo đó tính sơ bộ 3 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu rau quả Việt Nam chỉ đạt hơn 1,1 triệu USD, giảm 13,2% so với cùng kỳ. Đối với thị trường xuất khẩu, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu rau quả chính của Việt Nam, sau đó là Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan.

Trái với tình hình xuất khẩu, giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong tháng 3-2025 đạt 172 triệu USD, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế ba tháng đầu năm, giá trị nhập khẩu rau quả đạt 578 triệu USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2024.

#### **Giá cà phê xuất khẩu đạt kỷ lục mới hơn 5.800 USD/tấn**

Theo số liệu mới nhất của Hải quan Việt Nam, trong 15 ngày đầu tháng 3, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 93.898 tấn, trị giá 545 triệu USD, giảm 7,4% về lượng và tăng 54,2% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Tính chung từ đầu năm đến ngày 15/3, xuất khẩu cà phê đạt 406.637 tấn, trị giá 2,28 tỷ USD, giảm 18,4% về lượng nhưng vẫn tăng tới 42% về trị giá so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do giá cà phê xuất khẩu bình quân từ đầu năm đến nay đã tăng 66,4% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 5.614 USD/tấn. Tính riêng trong nửa đầu tháng 3, giá xuất khẩu đạt kỷ lục 5.803 USD/tấn, tăng 2,2% so với tháng trước và tăng gần 74% so với cùng kỳ năm 2024.

Nguồn: Cafef, Vietstock, Vietnambiz

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Hai kế hoạch "khủng" mảng bảo hiểm của Techcombank**

HĐQT Techcombank mới đây đã thông qua việc triển khai Phương án mua lại cổ phần để Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Techcom (TCGIns) trở thành công ty con của Techcombank. Công ty có vốn điều lệ 500 tỷ đồng, tương đương 50 triệu cổ phần. Hiện Techcombank nắm giữ 5,5 triệu cổ phần, tương đương tỷ lệ 11%. Trong khi đó, cổ đông lớn nhất hiện tại là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển NewCo (sở hữu 69%). Techcombank dự kiến sẽ mua lại 57% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển NewCo tại TCGIns, tương đương 28,5 triệu cổ phần với giá 10.000 đồng. Sau khi hoàn thành, tỷ lệ sở hữu của Techcombank tại TCGIns là 68%, tương đương 34 triệu cổ phần.

Bên cạnh mảng bảo hiểm phi nhân thọ, Techcombank cũng có kế hoạch lớn ở mảng bảo hiểm nhân thọ sau khi chấm dứt thoả thuận phân phối độc quyền với Manulife cuối năm 2024. Theo đó, ngân hàng sẽ góp vốn để thành lập TCLife - Công ty cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Kỹ thương. Dự kiến TCLife có vốn điều lệ 1.300 tỷ đồng. Trong đó, Techcombank sẽ tham gia góp vốn 1.040 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ sở hữu cổ phần là 80%. Công ty BHNT này ký thoả thuận sau khi thành lập sẽ có 2 cổ đông lớn là Techcombank và Tập đoàn Vingroup.

### **OCB đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 5,338 tỷ đồng, tăng 33%**

HĐQT Ngân hàng TMCP Phương Đông (HOSE: OCB) vừa thông qua nghị quyết kế hoạch kinh doanh năm 2025. OCB đặt ra mục tiêu tổng tài sản đến cuối năm 2025 đạt 316,779 tỷ đồng, tăng 13% so với đầu năm. Tổng huy động thị trường 1 đạt 218,842 tỷ đồng, tăng 14%, trong khi tổng dư nợ thị trường 1 đạt 208,472 tỷ đồng, tăng 16%. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 5,338 tỷ đồng, tăng 33% so với kết quả đạt được năm 2024. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.

### **CDN: Cảng Đà Nẵng đặt mục tiêu doanh thu hơn 1.600 tỷ đồng**

Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng (HNX: CDN, Cảng Đà Nẵng) vừa công bố kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2025 vào 9/4. Doanh nghiệp này dự kiến trình cổ đông kế hoạch kinh doanh năm 2025 với mục tiêu sản xuất kinh doanh tăng từ 4-6% so với năm trước. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng là 15,1 triệu tấn, trong đó container dự kiến 800.000 TEUs. Tổng doanh thu dự kiến 1.640 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 420 tỷ đồng.

### **Hoa Sen chốt quyền cổ tức 5% bằng tiền**

CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HOSE: HSG) vừa thông báo 02/04 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức tiền mặt niên độ tài chính 2023-2024, với tỷ lệ 5%. Công ty đang lưu hành gần 621 triệu cp, ước tính tổng số tiền cần chi 310.5 tỷ đồng, ngày thanh toán vào 28/04/2025.

Nguồn: Cafef, Vietstock, Fireant

**THÔNG KÊ THỊ TRƯỜNG**
**TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX**
**HOSE**

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
VIC	56,700	6.98%	0.26%
VHM	51,300	6.32%	0.23%
TCB	28,000	2.38%	0.08%
VCB	66,500	0.76%	0.08%
SHB	12,400	5.53%	0.05%

**HNX**

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
KSF	76,600	3.79%	0.22%
BAB	12,100	3.42%	0.10%
SHS	15,100	2.72%	0.08%
MBS	31,400	1.62%	0.07%
VIF	19,300	3.76%	0.06%

**TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX**
**HOSE**

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
BID	39,100	-0.89%	-0.04%
LPB	34,150	-1.87%	-0.04%
GVR	34,150	-1.16%	-0.03%
BCM	77,300	-1.78%	-0.03%
HDB	22,650	-1.52%	-0.02%

**HNX**

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
KSV	184,500	-3.40%	-0.33%
NVB	12,400	-3.88%	-0.15%
THD	36,200	-3.47%	-0.13%
PVS	32,600	-1.21%	-0.05%
NTP	66,300	-1.49%	-0.04%

**TOP 5 GIAO DỊCH KHỚP LỆNH**
**HOSE**

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị khớp lệnh (tỷ đồng)
SHB	84,714,383	1,015.5
VHM	15,562,748	782.4
VIC	11,915,870	669.6
FPT	5,114,180	656.6
SSI	24,452,275	654.8

**HNX**

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị khớp lệnh (tỷ đồng)
SHS	11,712,245	173.6
MBS	3,550,651	109.8
CEO	5,514,200	81.9
PVS	1,744,370	56.8
BVS	827,421	33.3

**TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN**
**HOSE**

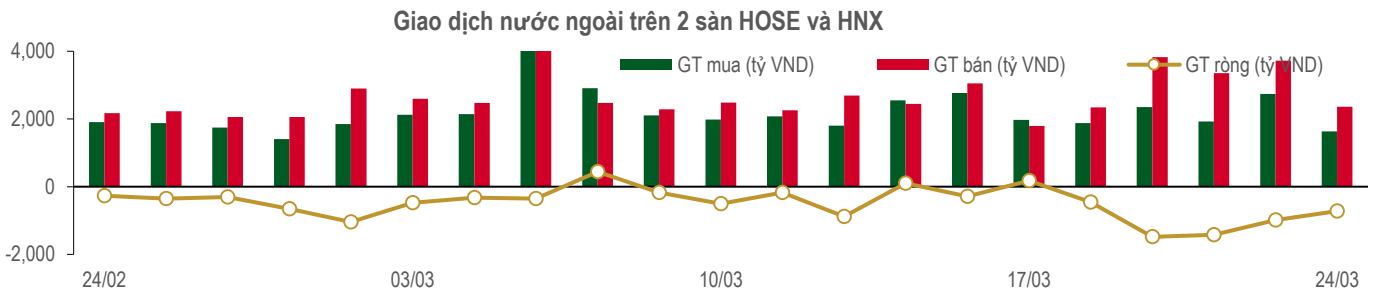
Mã CK	Khối lượng thỏa thuận (cổ phiếu)	GT thỏa thuận (tỷ đồng)
SSB	26,040,000	518.0
VIB	21,101,501	404.9
OCB	21,785,000	250.5
VPB	5,600,000	110.0
VIC	1,928,000	102.2

**HNX**

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị thỏa thuận (tỷ đồng)
CAN	438,120	21.9
IDC	406,000	20.3
VFS	900,000	15.1
NAG	500,000	6.0
PVI	95,900	5.8

**THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI**

Sàn	Khối lượng mua (triệu cổ phiếu)	Giá trị mua (tỷ đồng)	Khối lượng bán (triệu cổ phiếu)	Giá trị bán (tỷ đồng)	Khối lượng ròng (triệu cổ phiếu)	Giá trị ròng (tỷ đồng)
HOSE	59.31	1,617.52	90.95	2,337.80	(31.64)	(720.27)
HNX	0.63	13.13	0.87	19.21	(0.24)	(6.08)
<b>Tổng 2 sàn</b>	<b>59.94</b>	<b>1,630.65</b>	<b>91.82</b>	<b>2,357.00</b>	<b>(31.89)</b>	<b>(726.35)</b>


**TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỎI NGOẠI**
**HOSE**

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
FPT	129,000	1,328,556	170.34
VHM	51,300	2,791,620	140.62
VRE	19,150	4,458,900	84.37
E1VFN30	24,260	3,409,200	81.72
VPI	59,500	1,303,700	76.30

**HNX**

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
MBS	31,400	141,200	4.38
PVS	32,600	96,700	3.14
VFS	16,800	70,400	1.17
VGS	28,700	32,200	0.92
VTZ	16,800	40,400	0.68

**TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỎI NGOẠI**
**HOSE**

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
FPT	129,000	1,405,398	180.22
TPB	14,500	11,016,442	162.34
VHM	51,300	2,155,671	107.93
CTG	41,800	2,366,600	97.79
E1VFN30	24,260	3,545,800	84.98

**HNX**

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
PVS	32,600	150,500	4.90
SHS	15,100	241,600	3.56
BVS	40,900	32,000	1.29
HUT	15,900	73,000	1.15
NTP	66,300	17,200	1.14

**TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỎI NGOẠI**
**HOSE**

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
VPI	59,500	1,292,700	75.65
VRE	19,150	2,369,400	44.85
VHM	51,300	635,949	32.69
PDR	20,000	1,327,957	26.34
HVN	29,950	883,300	26.26

**HNX**

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
MBS	31,400	115,800	3.59
VGS	28,700	18,400	0.52
IVS	10,300	42,900	0.44
VTZ	16,800	25,100	0.42
VFS	16,800	19,600	0.32

**TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI**
**HOSE**

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
TPB	14,500	(10,926,391)	(161.01)
LPB	34,150	(1,998,729)	(67.67)
NVL	10,300	(5,676,360)	(59.22)
DBC	30,000	(1,845,800)	(54.53)
HDB	22,650	(2,268,828)	(51.56)

**HNX**

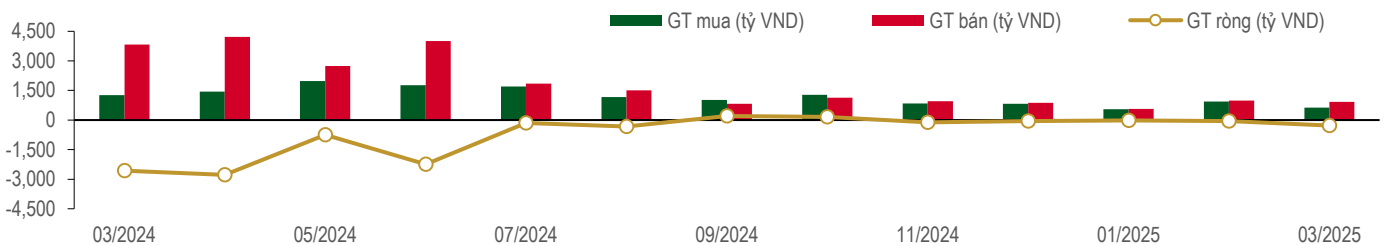
Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
SHS	15,100	(231,400)	(3.40)
PVS	32,600	(53,800)	(1.75)
BVS	40,900	(32,000)	(1.29)
HUT	15,900	(72,800)	(1.15)
TNG	21,200	(45,900)	(0.97)

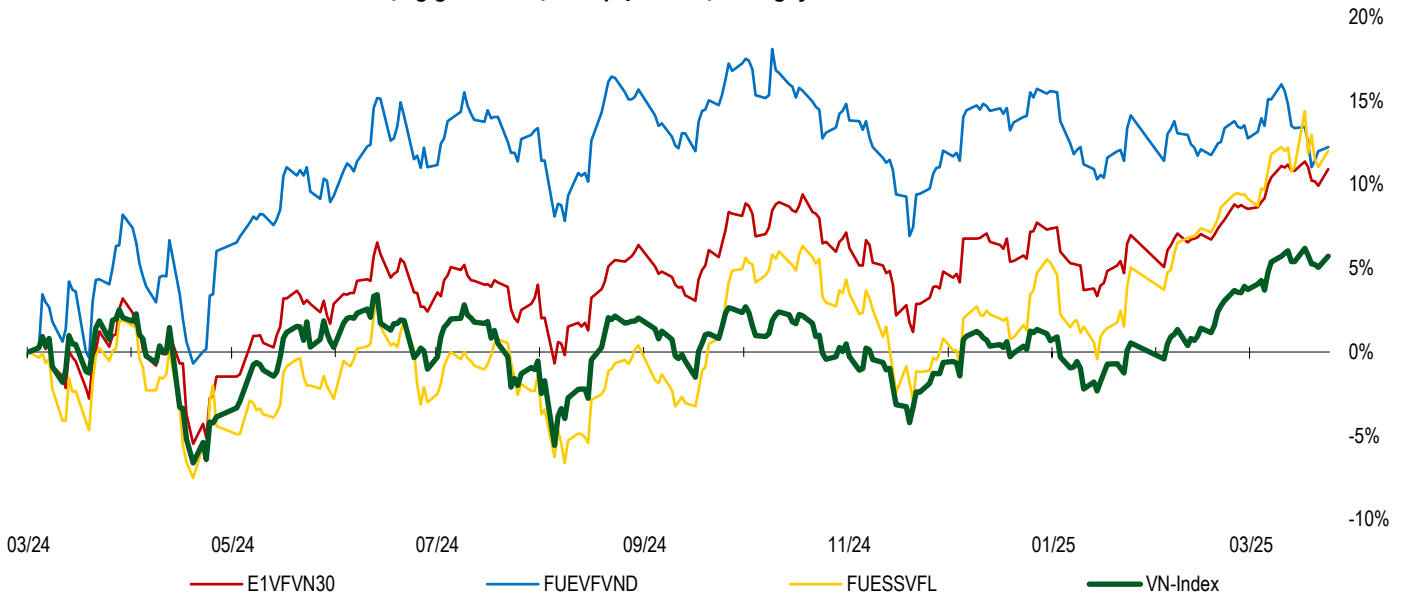
**THÔNG KÊ GIAO DỊCH CÁC CHỨNG CHỈ QUỸ ETF**
**THÔNG KÊ GIÁ**

Mã CK	% thay đổi	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
E1VFN30	0.9%	3,657,599	87.68
FUEMAV30	0.4%	2,900	0.05
FUESSV30	0.9%	4,270	0.07
FUESSV50	1.2%	12,500	0.26
FUESSVFL	0.9%	184,350	4.28
FUEVFN30	0.2%	802,732	25.95
FUEVN100	0.8%	60,710	1.12
FUEIP100	0.0%	400	0.00
FUEKIV30	0.0%	806,801	7.39
FUEDCMID	0.4%	5,900	0.07
FUEKIVFS	0.0%	8,600	0.12
FUEMAVND	0.0%	5,200	0.07
FUEFCV50	0.4%	5,102	0.06
FUEBFVND	0.0%	0	0.00
FUEKIVND	0.1%	100	0.00
FUEABVND	-2.0%	100	0.00
<b>Tổng cộng</b>		<b>5,557,264</b>	<b>127.12</b>

**MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI**

Mã CK	Giá trị mua (tỷ đồng)	Giá trị bán (tỷ đồng)	Giá trị ròng (tỷ đồng)
E1VFN30	81.72	84.98	(3.26)
FUEMAV30	0.03	0.00	0.03
FUESSV30	0.02	0.04	(0.02)
FUESSV50	0.11	0.14	(0.03)
FUESSVFL	2.81	0.00	2.81
FUEVFN30	16.75	14.90	1.85
FUEVN100	0.36	0.31	0.05
FUEIP100	0.00	0.00	(0.00)
FUEKIV30	0.00	7.33	(7.33)
FUEDCMID	0.06	0.06	0.00
FUEKIVFS	0.04	0.04	(0.00)
FUEMAVND	0.06	0.06	0.00
FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
FUEBFVND	0.00	0.00	0.00
FUEKIVND	0.00	0.00	0.00
FUEABVND	0.00	0.00	0.00
<b>Tổng cộng</b>	<b>101.96</b>	<b>107.86</b>	<b>(5.90)</b>

**Giao dịch ròng các ETF nội của khối ngoại**


**Biến động giá của một số quỹ ETF nội từ ngày 01/03/2024-24/03/2025**

**THỐNG KÊ GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CÓ ĐẢM BẢO**

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày GDCC
CACB2403	430	0.0%	892,400	35	26,350	384	(46)	25,000	4.00	24/04/2025
CACB2404	670	0.0%	2,298,400	126	26,350	521	(149)	25,000	4.00	24/07/2025
CACB2405	670	0.0%	0	51	26,350	323	(347)	25,500	4.00	12/05/2025
CACB2501	1,150	0.0%	0	126	26,350	815	(335)	24,500	3.00	24/07/2025
CACB2502	1,890	1.1%	16,500	367	26,350	807	(1,083)	28,000	2.00	24/03/2026
CACB2503	1,410	1.4%	9,400	217	26,350	712	(698)	27,000	2.00	23/10/2025
CACB2504	680	0.0%	4,696,400	63	26,350	528	(152)	26,000	2.00	22/05/2025
CACB2505	1,430	-1.4%	1,500	199	26,350	562	(868)	26,300	3.00	07/10/2025
CACB2506	620	0.0%	0	98	26,350	330	(290)	27,400	2.00	26/06/2025
CFPT2402	4,200	3.7%	52,100	126	129,000	1,413	(2,787)	134,064	3.97	24/07/2025
CFPT2403	1,070	-15.1%	174,642	35	129,000	469	(601)	134,064	3.97	24/04/2025
CFPT2404	2,850	-5.6%	38,200	225	129,000	1,057	(1,793)	120,161	14.90	31/10/2025
CFPT2405	2,440	3.0%	18,200	143	129,000	627	(1,813)	134,064	9.93	12/08/2025
CFPT2406	100	-47.4%	24,000	4	129,000	0	(100)	147,658	24.83	26/03/2025
CFPT2407	590	0.0%	1,000	98	129,000	16	(574)	158,692	24.83	26/06/2025
CFPT2501	340	-5.6%	144,200	126	129,000	65	(275)	160,000	10.00	24/07/2025
CFPT2502	600	3.4%	150,900	217	129,000	101	(499)	170,000	10.00	23/10/2025
CFPT2503	970	2.1%	283,600	367	129,000	182	(788)	180,000	10.00	24/03/2026
CFPT2504	320	-3.0%	758,300	63	129,000	8	(312)	160,000	10.00	22/05/2025
CFPT2505	1,430	2.1%	48,600	291	129,000	345	(1,085)	158,000	10.00	07/01/2026
CFPT2506	310	3.3%	14,000	98	129,000	26	(284)	164,000	8.00	26/06/2025
CFPT2507	660	-4.3%	71,600	134	129,000	146	(514)	155,000	8.00	01/08/2025
CFPT2508	1,650	12.2%	76,500	318	129,000	445	(1,205)	160,000	8.00	03/02/2026
CHDB2401	10	0.0%	569,400	4	22,650	0	(10)	25,017	3.34	26/03/2025
CHDB2501	400	-20.0%	101,900	98	22,650	221	(179)	24,800	2.00	26/06/2025
CHPG2402	490	-12.5%	603,300	58	27,150	188	(302)	28,177	2.73	19/05/2025
CHPG2406	890	0.0%	41,400	218	27,150	382	(508)	28,000	4.00	24/10/2025
CHPG2407	490	-7.5%	1,013,100	35	27,150	356	(134)	26,000	4.00	24/04/2025
CHPG2408	830	-5.7%	129,300	126	27,150	373	(457)	27,000	4.00	24/07/2025
CHPG2409	2,000	-2.0%	807,900	225	27,150	1,081	(919)	25,000	3.00	31/10/2025
CHPG2410	880	-3.3%	300	143	27,150	286	(594)	28,000	4.00	12/08/2025



CHPG2411	10	0.0%	1,623,400	4	27,150	0	(10)	29,999	4.00	26/03/2025
CHPG2412	250	0.0%	737,500	98	27,150	35	(215)	31,333	4.00	26/06/2025
CHPG2501	1,090	-1.8%	625,000	94	27,150	745	(345)	25,500	3.00	24/06/2025
CHPG2502	1,110	-17.8%	504,200	186	27,150	533	(577)	27,500	3.00	24/09/2025
CHPG2503	950	-4.0%	160,900	63	27,150	520	(430)	27,000	2.00	22/05/2025
CHPG2504	1,550	-1.9%	134,000	217	27,150	570	(980)	29,000	2.00	23/10/2025
CHPG2505	2,260	-1.3%	10,900	367	27,150	716	(1,544)	30,000	2.00	24/03/2026
CHPG2506	1,190	-1.7%	26,500	291	27,150	490	(700)	27,800	4.00	07/01/2026
CHPG2507	560	0.0%	6,000	98	27,150	192	(368)	29,600	2.00	26/06/2025
CHPG2508	1,970	-2.5%	20,300	213	27,150	991	(979)	27,000	2.00	21/10/2025
CHPG2509	890	0.0%	166,400	134	27,150	359	(531)	28,000	3.00	01/08/2025
CHPG2510	1,340	-2.2%	35,200	318	27,150	528	(812)	29,000	3.00	03/02/2026
CMBB2402	2,550	0.0%	164,600	58	24,400	2,416	(134)	20,403	1.70	19/05/2025
CMBB2405	860	1.2%	3,030,400	126	24,400	734	(126)	22,590	3.48	24/07/2025
CMBB2406	840	2.4%	538,700	35	24,400	795	(45)	21,721	3.48	24/04/2025
CMBB2407	1,900	2.7%	1,152,000	225	24,400	1,752	(148)	22,590	1.74	31/10/2025
CMBB2408	170	41.7%	125,600	4	24,400	86	(84)	24,134	4.34	26/03/2025
CMBB2409	510	-5.6%	67,200	98	24,400	221	(289)	25,099	4.34	26/06/2025
CMBB2501	1,770	4.1%	98,200	126	24,400	1,504	(266)	20,852	2.61	24/07/2025
CMBB2502	2,250	1.8%	40,000	63	24,400	2,122	(128)	20,852	1.74	22/05/2025
CMBB2503	2,460	0.8%	23,200	217	24,400	1,731	(729)	22,590	1.74	23/10/2025
CMBB2504	2,920	1.0%	47,100	367	24,400	1,805	(1,115)	23,459	1.74	24/03/2026
CMBB2505	1,940	-1.5%	44,000	381	24,400	1,189	(751)	22,800	3.00	07/04/2026
CMBB2506	1,750	0.0%	0	98	24,400	1,198	(552)	23,025	1.74	26/06/2025
CMBB2507	1,860	1.1%	149,500	318	24,400	1,324	(536)	24,000	2.00	03/02/2026
CMBB2508	1,420	0.0%	0	134	24,400	1,159	(261)	23,000	2.00	01/08/2025
CMSN2404	850	1.2%	14,300	126	68,500	277	(573)	79,000	4.00	24/07/2025
CMSN2405	140	-6.7%	225,200	35	68,500	18	(122)	79,000	4.00	24/04/2025
CMSN2406	670	-1.5%	238,000	225	68,500	392	(278)	79,000	6.00	31/10/2025
CMSN2407	20	-33.3%	209,300	4	68,500	0	(20)	83,456	10.00	26/03/2025
CMSN2408	140	-12.5%	679,900	98	68,500	20	(120)	85,678	10.00	26/06/2025
CMSN2501	550	1.9%	1,069,900	94	68,500	290	(260)	72,000	8.00	24/06/2025
CMSN2502	610	-3.2%	728,700	63	68,500	261	(349)	73,000	5.00	22/05/2025
CMSN2503	1,580	1.3%	53,000	217	68,500	665	(915)	75,000	5.00	23/10/2025
CMSN2504	440	0.0%	10,500	98	68,500	236	(204)	77,700	4.00	26/06/2025
CMWG2401	1,180	-0.8%	280,900	58	60,300	241	(939)	65,479	3.97	19/05/2025
CMWG2405	280	-9.7%	144,700	35	60,300	93	(187)	66,000	4.00	24/04/2025
CMWG2406	1,030	-2.8%	50,800	126	60,300	494	(536)	66,000	4.00	24/07/2025
CMWG2407	580	0.0%	414,700	225	60,300	381	(199)	70,000	6.00	31/10/2025
CMWG2408	500	-5.7%	900	51	60,300	153	(347)	65,000	6.00	12/05/2025
CMWG2409	50	0.0%	0	4	60,300	0	(50)	68,888	10.00	26/03/2025
CMWG2410	240	-4.0%	40,600	98	60,300	65	(175)	70,777	10.00	26/06/2025
CMWG2501	840	-11.6%	43,400	94	60,300	559	(281)	62,000	5.00	24/06/2025
CMWG2502	860	-3.4%	341,900	63	60,300	596	(264)	60,000	5.00	22/05/2025
CMWG2503	1,600	-1.2%	35,000	217	60,300	872	(728)	63,000	5.00	23/10/2025
CMWG2504	2,030	-0.5%	62,100	367	60,300	1,017	(1,013)	66,000	5.00	24/03/2026
CMWG2505	1,600	-0.6%	500	199	60,300	832	(768)	61,000	6.00	07/10/2025
CMWG2506	480	-5.9%	37,100	98	60,300	436	(44)	66,900	3.00	26/06/2025
CSHB2401	1,310	24.8%	59,300	51	12,400	1,152	(158)	10,365	1.80	12/05/2025
CSHB2402	1,100	31.0%	205,300	4	12,400	1,213	113	10,215	1.80	26/03/2025
CSHB2403	1,060	34.2%	350,400	98	12,400	796	(264)	11,116	1.80	26/06/2025
CSHB2501	1,750	25.9%	425,400	94	12,400	1,420	(330)	9,915	1.80	24/06/2025
CSSB2401	20	-33.3%	292,800	4	19,750	17	(3)	19,999	4.00	26/03/2025
CSTB2402	2,960	-4.2%	229,901	58	38,600	2,913	(47)	30,000	3.00	19/05/2025
CSTB2408	800	-7.0%	209,000	35	38,600	738	(62)	36,000	4.00	24/04/2025
CSTB2409	1,260	0.0%	222,500	126	38,600	998	(262)	36,000	4.00	24/07/2025
CSTB2410	1,330	-2.9%	496,500	225	38,600	1,237	(93)	38,000	3.00	31/10/2025
CSTB2411	1,640	0.0%	0	51	38,600	1,217	(423)	34,000	4.00	12/05/2025
CSTB2412	50	-58.3%	2,133,200	4	38,600	81	31	38,686	4.00	26/03/2025

CSTB2413	780	-1.3%	110,900	98	38,600	420	(360)	39,679	4.00	26/06/2025
CSTB2501	2,180	-7.6%	10,000	94	38,600	1,878	(302)	33,500	3.00	24/06/2025
CSTB2502	2,300	0.0%	0	186	38,600	1,624	(676)	35,500	3.00	24/09/2025
CSTB2503	2,270	-3.0%	133,500	63	38,600	2,047	(223)	35,000	2.00	22/05/2025
CSTB2504	2,750	-3.2%	14,000	217	38,600	1,822	(928)	38,000	2.00	23/10/2025
CSTB2505	1,930	-2.5%	300	199	38,600	859	(1,071)	40,000	3.00	07/10/2025
CSTB2506	1,980	0.0%	0	98	38,600	1,211	(769)	38,100	2.00	26/06/2025
CTCB2403	890	8.5%	1,587,900	225	28,000	715	(175)	26,000	5.00	31/10/2025
CTCB2404	1,230	0.0%	0	143	28,000	760	(470)	25,000	5.00	12/08/2025
CTCB2405	240	71.4%	75,400	4	28,000	230	(10)	26,868	5.00	26/03/2025
CTCB2406	540	20.0%	61,200	98	28,000	315	(225)	27,979	5.00	26/06/2025
CTCB2501	2,660	9.9%	195,700	126	28,000	2,245	(415)	24,000	2.00	24/07/2025
CTCB2502	2,320	12.1%	653,100	63	28,000	2,093	(227)	24,000	2.00	22/05/2025
CTCB2503	2,480	8.3%	126,400	217	28,000	1,765	(715)	26,000	2.00	23/10/2025
CTCB2504	1,420	3.6%	5,400	291	28,000	819	(601)	24,500	6.00	07/01/2026
CTCB2505	1,700	-3.4%	6,900	98	28,000	1,244	(456)	26,400	2.00	26/06/2025
CTCB2506	1,390	0.0%	0	213	28,000	1,046	(344)	25,000	4.00	21/10/2025
CTPB2403	240	-17.2%	110,400	51	14,500	5	(235)	17,500	3.00	12/05/2025
CTPB2404	10	-50.0%	62,200	4	14,500	0	(10)	17,888	4.00	26/03/2025
CTPB2405	210	31.3%	23,100	98	14,500	5	(205)	18,999	4.00	26/06/2025
CTPB2501	320	-11.1%	80,700	98	14,500	66	(254)	17,700	1.00	26/06/2025
CVHM2406	1,520	35.7%	37,900	126	51,300	988	(532)	50,000	4.00	24/07/2025
CVHM2407	970	79.6%	256,500	35	51,300	755	(215)	49,000	4.00	24/04/2025
CVHM2408	3,780	21.2%	570,600	225	51,300	3,537	(243)	38,000	4.00	31/10/2025
CVHM2409	2,510	20.7%	1,800	143	51,300	2,015	(495)	42,000	5.00	12/08/2025
CVHM2410	520	225.0%	309,300	4	51,300	663	143	47,999	5.00	26/03/2025
CVHM2411	1,070	37.2%	206,900	98	51,300	647	(423)	50,555	5.00	26/06/2025
CVHM2501	2,000	30.7%	1,354,300	63	51,300	1,907	(93)	42,000	5.00	22/05/2025
CVHM2502	2,260	24.2%	143,500	217	51,300	1,650	(610)	45,000	5.00	23/10/2025
CVHM2503	2,450	20.1%	836,200	381	51,300	1,679	(771)	42,000	7.00	07/04/2026
CVHM2504	3,570	48.8%	34,900	98	51,300	3,756	186	44,500	2.00	26/06/2025
CVIB2402	550	-8.3%	955,300	58	19,950	273	(277)	20,515	1.71	19/05/2025
CVIB2405	1,090	-14.2%	432,100	35	19,950	1,009	(81)	18,000	2.00	24/04/2025
CVIB2406	590	-10.6%	611,200	126	19,950	406	(184)	19,000	4.00	24/07/2025
CVIB2407	1,830	-8.0%	742,800	225	19,950	1,342	(488)	18,000	2.00	31/10/2025
CVIB2408	680	-12.8%	58,000	51	19,950	229	(451)	19,500	4.00	12/05/2025
CVIB2501	540	-18.2%	659,400	63	19,950	354	(186)	20,000	2.00	22/05/2025
CVIB2502	1,070	-9.3%	176,400	217	19,950	498	(572)	21,000	2.00	23/10/2025
CVIB2503	2,300	0.0%	0	98	19,950	446	(1,854)	21,200	1.00	26/06/2025
CVIC2404	3,360	37.7%	57,400	35	56,700	3,451	91	43,000	4.00	24/04/2025
CVIC2405	3,770	32.3%	70,400	126	56,700	3,533	(237)	43,000	4.00	24/07/2025
CVIC2406	1,770	68.6%	316,100	4	56,700	1,965	195	46,888	5.00	26/03/2025
CVIC2407	2,020	47.4%	286,200	98	56,700	1,658	(362)	48,999	5.00	26/06/2025
CVIC2501	3,370	28.1%	110,600	63	56,700	3,377	7	40,000	5.00	22/05/2025
CVIC2502	3,130	31.0%	146,800	217	56,700	2,539	(591)	45,000	5.00	23/10/2025
CVIC2503	4,330	39.7%	26,200	98	56,700	4,806	476	42,600	3.00	26/06/2025
CVJC2401	10	0.0%	103,000	4	96,600	0	(10)	119,999	10.00	26/03/2025
CVJC2501	440	7.3%	9,900	98	96,600	133	(307)	106,100	6.00	26/06/2025
CVNM2401	490	-7.5%	1,079,400	58	61,400	139	(351)	63,331	7.68	19/05/2025
CVNM2405	100	0.0%	298,500	35	61,400	15	(85)	67,472	3.97	24/04/2025
CVNM2406	430	-4.4%	70,700	126	61,400	156	(274)	68,464	3.97	24/07/2025
CVNM2407	590	1.7%	251,200	225	61,400	276	(314)	67,472	5.95	31/10/2025
CVNM2408	10	-50.0%	208,900	4	61,400	0	(10)	76,271	7.94	26/03/2025
CVNM2501	400	-4.8%	1,161,300	63	61,400	154	(246)	64,495	4.96	22/05/2025
CVNM2502	1,120	-2.6%	95,700	217	61,400	436	(684)	65,488	4.96	23/10/2025
CVNM2503	1,670	-1.8%	24,200	367	61,400	499	(1,171)	68,464	4.96	24/03/2026
CVNM2504	1,350	0.0%	0	199	61,400	363	(987)	65,000	6.00	07/10/2025
CVNM2505	600	0.0%	200	98	61,400	124	(476)	67,800	4.00	26/06/2025
CVPB2401	520	-8.8%	1,761,400	58	19,600	306	(214)	19,939	1.90	19/05/2025

CVPB2407	290	0.0%	1,248,400	126	19,600	139	(151)	21,000	4.00	24/07/2025
CVPB2408	150	0.0%	1,284,900	35	19,600	56	(94)	21,000	2.00	24/04/2025
CVPB2409	600	-4.8%	1,006,300	225	19,600	324	(276)	22,000	2.00	31/10/2025
CVPB2410	830	1.2%	24,100	143	19,600	213	(617)	21,000	3.00	12/08/2025
CVPB2411	20	100.0%	249,900	4	19,600	0	(20)	21,666	2.00	26/03/2025
CVPB2412	310	3.3%	86,700	98	19,600	62	(248)	22,777	2.00	26/06/2025
CVPB2501	1,240	1.6%	199,300	217	19,600	656	(584)	20,000	2.00	23/10/2025
CVPB2502	1,620	1.3%	58,400	367	19,600	707	(913)	21,000	2.00	24/03/2026
CVPB2503	750	4.2%	1,097,900	63	19,600	549	(201)	19,000	2.00	22/05/2025
CVPB2504	1,470	1.4%	753,700	381	19,600	624	(846)	20,000	3.00	07/04/2026
CVPB2505	810	0.0%	0	98	19,600	432	(378)	21,000	1.00	26/06/2025
CVPB2506	940	0.0%	56,100	196	19,600	571	(369)	20,200	2.00	02/10/2025
CVRE2405	510	41.7%	847,000	35	19,150	408	(102)	19,000	2.00	24/04/2025
CVRE2406	490	16.7%	223,200	126	19,150	391	(99)	19,000	4.00	24/07/2025
CVRE2407	2,110	14.7%	233,300	225	19,150	1,969	(141)	16,000	2.00	31/10/2025
CVRE2408	790	0.0%	0	143	19,150	412	(378)	20,000	3.00	12/08/2025
CVRE2409	20	0.0%	751,300	4	19,150	4	(16)	19,999	4.00	26/03/2025
CVRE2410	220	46.7%	568,900	98	19,150	102	(118)	21,888	4.00	26/06/2025
CVRE2501	860	22.9%	361,700	94	19,150	642	(218)	18,000	3.00	24/06/2025
CVRE2502	1,360	22.5%	168,400	63	19,150	1,217	(143)	17,000	2.00	22/05/2025
CVRE2503	1,740	15.2%	60,900	217	19,150	1,297	(443)	18,000	2.00	23/10/2025
CVRE2504	2,100	18.6%	100	98	19,150	2,004	(96)	17,900	1.00	26/06/2025
CVRE2505	1,970	11.9%	300	213	19,150	1,599	(371)	17,000	2.00	21/10/2025

(\*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(\*\*) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

### DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Ngày ra báo cáo	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
<a href="#">DGW</a>	HOSE	19/03/2025	39,450	48,500	22.9%	Mua
<a href="#">DBD</a>	HOSE	13/03/2025	55,800	68,000	21.9%	Mua
<a href="#">HAH</a>	HOSE	17/02/2025	50,700	61,200	20.7%	Mua
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	11/02/2025	88,500	111,700	26.2%	Mua
<a href="#">HPG</a>	HOSE	10/02/2025	27,150	32,400	19.3%	Tăng tỷ trọng
<a href="#">DRI</a>	UPCOM	04/02/2025	14,871	15,100	1.5%	Nắm giữ
<a href="#">DPR</a>	HOSE	01/04/2025	47,200	43,500	-7.8%	Giảm tỷ trọng
<a href="#">VNM</a>	HOSE	21/01/2025	61,400	72,500	18.1%	Tăng tỷ trọng
<a href="#">STB</a>	HOSE	13/01/2025	38,600	38,800	0.5%	Nắm giữ
<a href="#">ACB</a>	HOSE	31/12/2024	26,350	31,900	21.1%	Mua
<a href="#">MBB</a>	HOSE	31/12/2024	24,400	31,100	27.5%	Mua
<a href="#">MSB</a>	HOSE	31/12/2024	11,900	13,600	14.3%	Tăng tỷ trọng
<a href="#">SHB</a>	HOSE	31/12/2024	12,400	12,400	0.0%	Nắm giữ
<a href="#">TCB</a>	HOSE	31/12/2024	28,000	30,700	9.6%	Nắm giữ
<a href="#">TPB</a>	HOSE	31/12/2024	14,500	19,700	35.9%	Mua
<a href="#">VIB</a>	HOSE	31/12/2024	19,950	22,900	14.8%	Tăng tỷ trọng
<a href="#">VPB</a>	HOSE	31/12/2024	19,600	24,600	25.5%	Mua
<a href="#">CTG</a>	HOSE	31/12/2024	41,800	42,500	1.7%	Nắm giữ
<a href="#">HDB</a>	HOSE	31/12/2024	22,650	28,000	23.6%	Mua
<a href="#">VCB</a>	HOSE	31/12/2024	66,500	69,900	5.1%	Nắm giữ
<a href="#">BID</a>	HOSE	31/12/2024	39,100	41,300	5.6%	Nắm giữ
<a href="#">LPB</a>	HOSE	31/12/2024	34,150	28,700	-16.0%	Bán
<a href="#">MSH</a>	HOSE	31/12/2024	58,600	58,500	-0.2%	Giảm tỷ trọng
<a href="#">TCM</a>	HOSE	31/12/2024	39,800	50,300	26.4%	Mua

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

<a href="#">IDC</a>	HNX	31/12/2024	54,200	72,000	32.8%	Mua
<a href="#">SZC</a>	HOSE	31/12/2024	44,150	49,500	12.1%	Tăng tỷ trọng
<a href="#">BCM</a>	HOSE	31/12/2024	77,300	80,000	3.5%	Nắm giữ
<a href="#">SIP</a>	HOSE	31/12/2024	89,800	88,000	-2.0%	Giảm tỷ trọng
<a href="#">IMP</a>	HOSE	31/12/2024	48,000	41,800	-12.9%	Bán
<a href="#">VHC</a>	HOSE	31/12/2024	66,800	83,900	25.6%	Mua
<a href="#">ANV</a>	HOSE	31/12/2024	16,600	17,200	3.6%	Nắm giữ
<a href="#">FMC</a>	HOSE	31/12/2024	47,100	50,300	6.8%	Nắm giữ
<a href="#">SAB</a>	HOSE	31/12/2024	49,900	64,000	28.3%	Mua
<a href="#">MWG</a>	HOSE	31/12/2024	60,300	73,600	22.1%	Mua
<a href="#">VSC</a>	HOSE	31/12/2024	17,500	18,200	4.0%	Nắm giữ
<a href="#">GMD</a>	HOSE	31/12/2024	59,000	71,000	20.3%	Mua
<a href="#">PVT</a>	HOSE	31/12/2024	25,000	31,500	26.0%	Mua

## Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

## Định nghĩa xếp loại

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%.

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

## Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

## © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,

8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

**Fax:** (84-28) 5 413 5472

Customer Service: 1900 25 23 58

**Call Center:** (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

**Web:** www.phs.vn

### Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby

81-83-83B-85 Hàm Nghi,

P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

**Điện thoại:** (+84-28) 3 535 6060

**Fax:** (+84-28) 3 535 2912

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,

107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận

7, Tp.HCM

**Điện thoại:** (+84-28) 5 413 5478

**Fax:** (+84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower,

458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2,

Quận 3, Tp.HCM

**Điện thoại:** (+84-28) 3 820 8068

**Fax:** (+84-28) 3 820 8206

### Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,

N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung

Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Phone:** (+84-24) 6 250 9999

**Fax:** (+84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,

251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận

Tân Bình, Tp.HCM.

**Điện thoại:** (+84-28) 3 813 2401

**Fax:** (+84-28) 3 813 2415

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,

18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng,

Hải Phòng

**Phone:** (+84-22) 384 1810

**Fax:** (+84-22) 384 1801